

SỐ: 1601

## LUẬN BIỆN TRUNG BIÊN TỤNG

*Tác giả: Bồ Tát Di-lặc nói.*

*Hán dịch: Tam Tạng Pháp Sư Huyền Tráng Đời Đường*

### Phẩm 1: NÓI VỀ TƯỚNG

Chỉ tướng chường chân thật,	Và tu các đối trị,
Là tu phần vị này,	Đặc quả Thừa Vô thượng.
Phân biệt lưỡng đối có ,	Hai thứ này đều không,
Trong đây chỉ có không,	Ở kia, cũng có đây.
Nên nói tất cả pháp,	Phi không, phi bất không,
Vì có Vô và hữu,	Đó là hợp Trung đạo.
Thức sinh, biến nghĩa giống,	Hữu tình, ngã và rõ,
Cảnh này thật phi hữu,	Cảnh không nên thức không.
Tánh phân biệt lưỡng đối,	Do đây nghĩa được thành,
Chẳng thật có, đều không,	Thừa nhận diệt, giải thoát.
Chỉ cái chấp Y tha,	Và Tánh Viên thành thật,
Cảnh do có phân biệt,	Và hai không mà nói.
Nương thức có sở đắc,	Cảnh vô sở đắc sinh,
Nương cảnh vô sở đắc,	Thức vô sở đắc sinh.
Do Thức có tánh đắc,	Cũng thành vô sở đắc,
Nên biết hai hữu đắc,	Vô đắc tánh bình đẳng.
Tâm, tâm sở ba cõi,	Là phân biệt lưỡng đối,
Chỉ rõ cảnh gọi tâm,	Cũng gọi là Tâm sở.
Một gọi là duyên thức,	Hai gọi là thọ giả,
Năng thọ dụng trong đây,	Phân biệt chỉ Tâm sở.
Che lấp và an lập,	Dẫn đường nhiếp viên mãn,

Ba phân biệt, thọ dụng, Vì quả khổ hiện tiền, Ba, hai, bảy tạp nhiễm, Các tướng và môn khác, Phải biết tánh hai không, Vì chẳng có hữu, vô, Chẳng khác cũng chẳng một, Nói lược dị môn không Vô tướng Tánh thắng nghĩa , Do không biến, không đảo. Và nhân pháp các Thánh, Tạp nhiễm, thanh tịnh này. Như thủy giới đều không, Năng ăn và sở ăn. Lý năng kiến như vậy, Thường làm lợi hữu tình. Làm thiện không cùng tận, Vì chủng tánh thanh tịnh. Vì tịnh các Phật pháp, Pháp Bồ-đặc-già-la . Vô tánh, hữu tánh này, Không này chẳng tạp nhiễm. Không này chẳng thanh tịnh, Phi nhiễm, phi chẳng nhiễm. Tâm tánh vốn thanh tịnh,	Dẫn khởi buộc liền nhau. Chỉ đây nào thế gian, Do phân biệt luống dối. Nghĩa sai khác thành lập, Nói lược chỉ do đấy. Chẳng hữu cũng chẳng vô, Đó là nói Tướng không Tức mé thật chân như Các pháp giới nên biết, Cảnh Thánh trí tướng diệt, Nghĩa dị môn như kế, Do có cấu, vô cấu, Tịnh thừa nhận là tịnh, Chỗ trụ thân nương này, Chỗ cầu hai tịnh không, Vì không bỏ sinh tử, Nên quán đấy là không, Vì đặc các tướng tốt, Nên Bồ-tát quán không, Thật tánh đều phi hữu, Nên lập riêng hai không, Thì tất cả giải thoát, Thì công dụng không quả, Phi tịnh, phi bất tịnh, Do bị nhiễm khách trần.
--	---

### Phẩm 2: NÓI VỀ CHƯƠNG

Đủ phần và một phần, Đối sinh tử lấy bỏ Chín thứ tướng phiền não , Hai chương đầu chán, bỏ, Là làm chương thân kiến, Lợi dưỡng cung kính thầy, Không gia hạnh, phi xứ, Không khởi Chánh tư duy, Thiếu chủng tánh bạn lành, Và thiếu sót hạnh chánh ,	Tăng tịnh và bình đẳng, Nói chương hai chủng tánh. Là chín kết ái thầy Bảy chương kia chân kiến. Sự đó diệt đạo báu, Vì xa lìa biến tri. Không như lý chẳng sinh, Tư lương chưa tròn đầy. Tâm tánh rất chán mệt, Ở chung kẻ xấu ác.
---	--

Còn ba thô đảo nặng,  
 Và bản tánh thô nặng,  
 Đắm hữu, nhiễm tài vật.  
 Không tin, không thắng giải,  
 Khinh pháp, trọng danh lợi.  
 Thiếu nghe ít hiểu biết,  
 Bồ-đề thiện nhiếp thọ.  
 Hồi hướng không sợ san,  
 Mười thiện thấy như vậy.  
 Trong giác phần độ địa,  
 Đối sự không khéo léo.  
 Không gieo tánh yếu kém,  
 Chương giàu sang, đường lành .  
 Nơi thất đức giảm tăng,  
 Chương các thiện thí thấy.  
 Việc làm khéo quyết định,  
 Biến hành và tối thắng.  
 Nói tiếp không sai khác,  
 Vô số pháp không khác .  
 Gồm vô phân biệt thấy,  
 Trong mười pháp giới này.  
 Chương công đức mười địa,  
 Đã nói các phiền não.  
 Thừa nhận hai thứ hết,

Bát-nhã chưa thành tựu  
 Tánh biếng nhác buông lung.  
 Và tâm tánh thấp kém,  
 Như lời nói lấy nghĩa,  
 Không thương xót hữu tình.  
 Không tu trị định mâu,  
 Có huệ không chướng loạn.  
 Tự tại gọi thiện thấy,  
 Đều có ba chương trước,  
 Nên biết có chương riêng,  
 Biếng nhác, định, giảm hai.  
 Thấy lỗi lầm thô nặng,  
 Không bỏ các hữu tình,  
 Khiến hướng nhập giải thoát,  
 Vô tận cũng vô gián,  
 Pháp thành thực thọ dụng,  
 Thắng lưu không gồm nhiếp,  
 Không tạp nhiễm, thanh tịnh.  
 Và không thêm không bớt,  
 Bốn tự tại nương nghĩa,  
 Có vô minh không nhiễm.  
 Cho nên nói mười chương  
 Và các chương sở tri,  
 Giải thoát tất cả chương.

### Phẩm 3: NÓI VỀ CHÂN THẬT

Chân thật chỉ có mười,  
 Không nhân quả điên đảo,  
 Việc làm rất thành tịnh,  
 Mười khéo léo chân thật,  
 Thừa nhận ba tự tánh,  
 Một có mà không chân,  
 Ở pháp sát thủ thú  
 Trong tánh có, chẳng có ,  
 Biết vậy mà không chuyển.  
 Vô tánh và sinh diệt,  
 Sở thủ và sự tướng.

Là căn bản và tướng,  
 Và chân thật thô tế.  
 Nhiếp thọ và sai khác,  
 Đều vì trừ Ngã kiến.  
 Duy nhất thường phi hữu,  
 Một có không chân thật  
 Và năng thủ, sở thủ.  
 Kiến tăng ích, tổn giảm.  
 Đó gọi tướng chân thật,  
 Cấu, tịnh, ba vô thường,  
 Hòa hợp ba thứ khổ,

Không cũng có ba thứ,  
 Vô tướng và dị tướng.  
 Bốn, ba loại như kế,  
 Ba tướng khổ đã nói.  
 Là khởi tập khí thấy,  
 Tự tánh, hai bất sinh.  
 Biết khắp và dứt hẳn,  
 Phải biết Thế tục đế.  
 Là mượn hành hiển rõ,  
 Thắng nghĩa đế cũng ba.  
 Nương gốc một không đổi,  
 Thế cực thành nương một.  
 Tịnh chỗ làm có hai,  
 Là biến kế sở chấp.  
 Chân như và chánh trí,  
 Lưu chuyển và an lập.  
 Thật tướng duy thức tịnh,  
 Đối uẩn thấy ngã kiến.  
 Người tạo tự tại chuyển,  
 Dựa tạp nhiễm thanh tịnh.  
 Chỗ chấp phân biệt này,  
 Chẳng nhất và tổng, lược.  
 Năng sở thủ kia thủ  
 Năng nhận cảnh biết rõ.  
 Nghĩa duyên khởi ở nhân,  
 Phi ái và ái tịnh.  
 Được hành không tự tại,  
 Căn trụ liền với thủ.  
 Nhân quả đã chưa dùng,  
 Thọ và tư lương thọ.  
 Tịch diệt và đối trị,  
 Do công đức và tội.  
 Y tha tự xuất ly,  
 Nghĩa hữu vi vô vi.  
 Hoặc tướng hoặc tịch tĩnh,

Là tự tánh không khác,  
 Tự tướng, ba vô ngã,  
 Dựa chân thật căn bản ,  
 Tập cũng có ba thứ,  
 Và tướng chưa ly hệ,  
 Cấu, tịch, hai, ba diệt,  
 Chứng được ba đạo đế,  
 Sai khác có ba thứ,  
 Nương kế nương gốc ba,  
 Là nghĩa đắc chánh hạnh,  
 Không đảo hai Viên thật,  
 Lý cực thành nương ba,  
 Nương một viên thành thật.  
 Tướng y tha phân biệt ,  
 Thuộc về viên thành thật,  
 Tà hạnh nương một, hai,  
 Chánh hạnh nương một sau,  
 Chấp một nhân thọ giả,  
 Nghĩa tăng thượng và thường,  
 Quán tánh trói và mở,  
 Nghĩa pháp tánh ở kia,  
 Nghĩa phần đoạn gọi uẩn,  
 Nghĩa hạt giống gọi giới,  
 Nghĩa môn dụng gọi xứ,  
 Quả dụng không thêm bớt,  
 Câu sinh và thắng chủ,  
 Là nghĩa xứ, phi xứ,  
 Dụng hai tịnh tăng thượng,  
 Phải biết nghĩa thế gian,  
 Các hạnh chỗ nhân kia,  
 Là nghĩa đế nên biết,  
 Và trí vô phân biệt,  
 Nên biết nghĩa thừa này,  
 Là hoặc giả hoặc nhân,  
 Hoặc nghĩa sở quán kia.

**Phẩm 4: NÓI VỀ TU ĐỐI TRỊ**

Nhân của ái thô nặng,  
 Vì nhập bốn thánh đế,  
 Đã biết khắp chướng trị,  
 Vì xa lìa tu tập,  
 Tánh nương trụ gắng nhận,  
 Dứt trừ năm lỗi lầm,  
 Biếng nhác quên lời thánh,  
 Hạnh, chẳng làm khiến làm,  
 Vì dứt trừ biếng nhác,  
 Tức sở y, năng y  
 Dứt bốn lỗi còn lại,  
 Nhớ nói giác trầm, trạo,  
 Đã gieo thuận giải thoát,  
 Là dục, hành không quên,  
 Giảm chướng gọi là lực,  
 Thuận định chọn hai, hai,  
 Chi giác lược có năm,  
 Xuất ly và lợi ích,  
 Do chỗ dựa nhân duyên,  
 Khinh an, định và xả,  
 Phân biệt và dạy bảo,  
 Đối trị chướng cũng ba,  
 Nên kiến, giới xa lìa,  
 Đối trị gốc tùy hoặc,  
 Có đảo thuận vô đảo,  
 Không đảo tùy không đảo,  
 Điều Bồ-tát tu tập  
 Vì chứng đắc thù thắng,

Việc ta không mê lầm,  
 Nên biết tu niệm trụ.  
 Tất cả chủng sai khác,  
 Siêng tu bốn chánh đoạn.  
 Vì thành tất cả việc,  
 Siêng tu tám hạnh đoạn.  
 Và hôn trầm, trạo cử,  
 Nên biết là năm lỗi.  
 Tu dục, cần, tín, an,  
 Và chỗ nhân, năng quả.  
 Tu niệm, trí, tư, xả,  
 Phục hạnh, diệt đấng lưu.  
 Lại tu năm tăng thượng,  
 Không tán loạn, xét chọn.  
 Nhân quả lập thứ lớp,  
 Ở năm căn, năm lực.  
 Là chỗ nương tự tánh,  
 Và ba chi không nhiễm.  
 Nghĩa tự tánh sai khác,  
 Nói là Chi vô nhiễm.  
 Khiến người tin có ba,  
 Nên chi đạo thành tám.  
 Khiến người tin thọ sâu,  
 Và trị chướng tự tại.  
 vô đảo tùy có đảo,  
 Là tu trị sai khác.  
 Do sở duyên tác ý,  
 Có khác với Nhị thừa.

**Phẩm 5: NÓI VỀ TU PHẦN VỊ**

Đã nói tu đối trị,	Phần vị có mười tám,
Là nhân nhập hành quả,	Tạo, không tạo thù thắng.
Giải hành thượng, vô thượng,	Xuất nhập lìa ký thuyết
Quán đảnh và chứng đắc,	Thắng lợi thành việc làm.
Nên biết trong pháp giới,	Lược có ba phần vị,
Bất tịnh, tịnh, bất tịnh,	Thanh tịnh tùy thích ứng.
Nương vào các vị trước,	Tất cả tướng sai khác,
Tùy thích ứng kiến lập,	Các Bồ-đặc-già-la.

**Phẩm 6: NÓI VỀ ĐẮC QUẢ**

Khí gọi là dị thực,	Lực là tăng thượng kia,
Ưu thích tăng trưởng tịnh,	Tức kế tức năm quả.
Lại nói lược quả khác,	Sau sau mới thường tập,
Rốt ráo thuận chướng diệt,	Lìa thắng thượng, vô thượng.

**Phẩm 7: NÓI VỀ THỪA VÔ THƯỢNG**

Đều do ba vô thượng,	Nói là Thừa vô thượng,
Là sở duyên hánh hạnh,	Và tu chứng vô thượng.
Chánh hạnh có sáu thứ,	Là tác ý, tối thắng,
Tùy pháp lìa hai bên,	Sai khác, không sai khác.
Tối thắng có mười hai,	Là rộng lớn, lâu dài,
Y, xứ và vô tận,	Tánh vô gián, vô nan,
Tự tại, gồm, phát khởi,	Đắc Đẳng lưu rốt ráo.
Do đây nói mười độ,	Gọi Ba-la-mật-đa,
Mười Ba-la-mật-đa,	Là Thí, Giới, An, Nhẫn,
Tinh tấn, định, Bát-nhã,	Phương tiện, Nguyện, Lực,
Trí, Lợi ích không hại thọ,	Thêm đức năng giải thoát.
Thường khởi định vô tận,	Thọ dụng thành thực tha,
Bồ-tát lấy ba huệ,	Thường tư duy Đại thừa.
Như pháp đã lập bày,	Là Tác ý chánh hạnh,
Tăng trưởng giới thiện này,	Nhập nghĩa và sự thành.
Nên biết giúp đỡ này,	Là mười thứ pháp hạnh,

Tức biên chép, cúng dường,  
 Thọ trì, khai giảng đúng,  
 Người hành mười pháp hạnh,  
 Thù thắng nên vô tận,  
 Tùy hai thứ pháp hành,  
 Không chuyển biến diên đảo,  
 Xuất định ở dòng cảnh,  
 Ngã chấp, tâm thấp kém,  
 Trí thấy ở văn nghĩa,  
 Tướng nhiễm, tịnh là khách,  
 Biết chỉ do tương ưng,  
 Có nghĩa và không có,  
 Đường hai tánh hiển hiện,  
 Biết lìa hữu, phi hữu,  
 Đối tác ý không đảo,  
 Nói tác ý kia nương,  
 Chẳng động và không đảo,  
 Phi vô như huyền thủy,  
 Nơi tự tướng không đảo  
 Lìa tất cả phân biệt,  
 Vì lìa chân pháp giới,  
 Người thông đạt pháp này,  
 Biết tác ý diên đảo,  
 Đối pháp giới tạp nhiễm,  
 Biết bản tánh pháp giới,  
 Nhiễm tịnh chẳng phải chủ,  
 Pháp hữu tình là không,  
 Biết vậy, không sợ, mạn,  
 Tánh khác và tánh một,  
 Bên tăng ích, tổn giảm,  
 Sở trị và năng trị,  
 Bên sở thủ, năng thủ,  
 Tánh phân biệt hai bên,  
 Là bên hữu, phi hữu,  
 Sở, năng thủ, chánh, tà,  
 Không khởi và thời thủy,  
 Sai khác, không sai khác,  
 Mười Ba-la-mật-đa,  
 Thí, kính nghe mở đọc.  
 Phúng tụng và Tư, Tu,  
 Được nhóm phước vô lượng.  
 Do nhiếp tha không ngừng,  
 Không có các tán loạn,  
 Các Bồ-tát nên biết.  
 Trầm, trạo dạy sửa lại,  
 Các bậc trí nên biết.  
 Tác ý và bất động,  
 Không sợ, mạn, không đảo.  
 Luyện tập hoặc chuyển đổi  
 Cho nên văn không đảo.  
 Như hiện thật phi hữu,  
 Cho nên nghĩa thuận hợp.  
 Biết kia nói huân tập,  
 Vì hiện tự hai nhân.  
 Là biết nghĩa phi hữu,  
 Có, không đều chẳng động,  
 Biết tất cả chỉ danh  
 Nương tự tướng thắng nghĩa,  
 Không có một pháp riêng!  
 Đối cộng tướng không đảo,  
 Chưa diệt và đã diệt.  
 Thanh tịnh không diên đảo,  
 Thanh tịnh như hư không.  
 Do đó Khách không đảo,  
 Tánh nhiễm tịnh đều không.  
 Cho nên hai không đảo,  
 Ngoại đạo và Thanh Văn.  
 Pháp hữu tình đều hai,  
 Thường trụ và đoạn diệt.  
 Nhiễm tịnh hai ba thứ,  
 Nên biết lại có bảy  
 Sở năng tịch kinh sợ,  
 Hữu dụng gồm vô dụng.  
 Là phân biệt hai bên,  
 Nên biết trong mười địa.  
 Tu tập tăng thượng thủy,

Sở duyên là cõi an,  
Giữ thông đạt trong ấn,  
Tu chứng là không thiếu,  
Khởi bền chắc, điều phục,  
Luận Biện Trung Biên này,  
Tất cả nghĩa rộng lớn,

Sở năng lập nhậm trì.  
Chứng thêm vận tối thắng,  
Không hủy, động, tròn đầy.  
Chẳng trụ, không chướng dứt,  
Nghĩa sâu kín chắc thật,  
Trừ các thứ chẳng lành.

